

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Bà Huỳnh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Dịu** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 718/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Quốc V**, sinh năm 1981; cư trú tại: số 27x đường Y, phường J, thành phố Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1987; cư trú tại: 27x Y, phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Anh V có mặt tại phiên tòa, chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Huỳnh Quốc V trình bày: anh V và chị L được Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 quyển I ngày

24 tháng 7 năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến ngày 04/6/2014, chị L đưa con bỏ đi cho đến nay, bản thân anh V đã nhiều lần tìm kiếm mẹ con chị L nhưng không tìm được, ngày 30/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt có Quyết định số 05/2017/QĐDS-ST ngày 30/11/2017 tuyên bố chị Trần Thị L và cháu Huỳnh Châu Triệu H mất tích. Nay, anh V xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L nên xin được ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Châu Triệu H sinh ngày 13/02/2010. Anh V đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Anh V yêu cầu được ly hôn và đề nghị giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho anh V và chị L ly hôn, giao con chung Huỳnh Châu Triệu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa vợ chồng anh V và chị L xảy ra mâu thuẫn nên anh V xin ly hôn, Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên. Đối với bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo

thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh V thấy rằng anh V và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn. Hơn nữa, chị L đã đi khỏi địa phương, anh V không tìm được tin tức của chị L, ngày 30/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt có quyết định số 05/2017/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị L mất tích. Do đó, vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết cho anh V và chị L ly hôn theo yêu cầu của anh V là có căn cứ.

[3] Về con chung: anh V xác định vợ chồng có 1 con chung là Huỳnh Châu Triệu H sinh ngày 13/02/2010. Khi đi khỏi địa phương, chị L đã đưa cháu Triệu H đi cùng. Hơn nữa, theo biên bản xác minh tại tổ dân phố N, phường J, thành phố Đ đề nghị giao cháu Triệu H cho mẹ nuôi dưỡng. Anh V cũng đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu Huỳnh Châu Triệu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh V xác định không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Quốc V và chị Trần Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Châu Triệu H, sinh ngày 13/2/2010 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo

quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: anh Huỳnh Quốc V phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ biên lai thu số AA/2015/0004280 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường J
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Thị Thanh Thủy**